



NHÃN HỘP VÀ NHÃN DÁN CHAI

Hộp 1 chai 30 ml



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống

Thành phần:
Mỗi 1 ml dung dịch uống chứa ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml.

Bảo quản:
Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống



+ Clears your bronchi
+ Dissolves the sticky mucus

30ml

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM
Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

SLSX:
HD:



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống



+ Clears your bronchi
+ Dissolves the sticky mucus

30ml

Thành phần:
Mỗi 1 ml dung dịch uống chứa ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml.

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản:
Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Quy cách: Hộp 1 chai 30 ml.

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
SDK:

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM
Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

SLSX/LOT:
NSX/MFG:
HD/EXP:



Hazencol

Ambroxol hydrochloride 7,5 mg/ml

Oral solution



+ Clears your bronchi
+ Dissolves the sticky mucus

30ml

Ingredients:
Each 1 ml oral solution contains ambroxol hydrochloride 7,5 mg/ml.

Indications, usage, contraindications and other information: See the enclosed instruction for use.

Storage: At a dry place, protect from light, below 30°C.

Specification: In-house.

Packing: Box of a 30 ml bottle.

Keep out of reach of children
Read the instruction carefully before use

Manufactured by:
HOA LINH HA NAM PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED
Dong Van I Industrial Zone, Dong Van Ward, Duy Tien Town, Ha Nam Province.



NHÃN HỘP VÀ NHÃN DÁN CHAI

Hộp 1 chai 60 ml



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống

Thành phần:
Mỗi 1 ml dung dịch uống chứa ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml.

Bảo quản:
Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống



+ Clears your bronchi
+ Dissolves the sticky mucus

60ml

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM
Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

SLSX:
HD:



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống



+ Clears your bronchi
+ Dissolves the sticky mucus

60ml

Thành phần:
Mỗi 1 ml dung dịch uống chứa ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml.

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Quy cách: Hộp 1 chai 60 ml.

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

SDK:

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM
Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

SLSX/LOT:
NSX/MFG:
HD/EXP:



Hazencol

Ambroxol hydrochloride 7,5 mg/ml

Oral solution



+ Clears your bronchi
+ Dissolves the sticky mucus

60ml

Ingredients:
Each 1 ml oral solution contains ambroxol hydrochloride 7,5 mg/ml.

Indications, usage, contraindications and other information: See the enclosed instruction for use.

Storage: At a dry place, protect from light, below 30°C.

Specification: In-house.

Packing: Box of a 60 ml bottle.

**Keep out of reach of children
Read the instruction carefully before use**

Manufactured by:
HOA LINH HA NAM PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED
Dong Van I Industrial Zone, Dong Van Ward, Duy Tien Town, Ha Nam Province.



NHÃN HỘP VÀ NHÃN DÁN CHAI

Hộp 1 chai 90 ml



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống



 Clears your bronchi

 Dissolves the sticky mucus

90ml

Thành phần:
Mỗi 1 ml dung dịch uống chứa ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml.

Bảo quản:
Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS

Đề xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Hazencol

Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Dung dịch uống



 Clears your bronchi

 Dissolves the sticky mucus

90ml

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM
Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

SLSX:
HD:

Thành phần:
Mỗi 1 ml dung dịch uống chứa ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS

Quy cách: Hộp 1 chai 90 ml

Đề xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

SDK:

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM
Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

SLSX/LOT:
NSX/MFG:
HD/EXP:



Hazencol

Ambroxol hydrochloride 7,5 mg/ml

Oral solution



 Clears your bronchi

 Dissolves the sticky mucus

90ml

Ingredients:
Each 1 ml oral solution contains ambroxol hydrochloride 7,5 mg/ml

Indications, usage, contraindications and other information: See the enclosed instruction for use.

Storage: At a dry place, protect from light, below 30°C.

Specification: In-house.

Packing: Box of a 90 ml bottle.

Keep out of reach of children
Read the instruction carefully before use

Manufactured by:
HOA LINH HA NAM PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED
Dong Van I Industrial Zone, Dong Van Ward, Duy Tien Town, Ha Nam Province.



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

HAZENCOL

(Dung dịch uống Ambroxol hydroclorid 7,5 mg/ml)

~~Để xa tầm tay trẻ em~~

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC: Mỗi 1 ml dung dịch chứa:

Thành phần dược chất: Ambroxol hydroclorid 7,5 mg.

Thành phần tá dược: Sorbitol 70%, glycerin, hydroxyethylcellulose, acid citric khan, natri citrat, sucralose, natri metabisulfít, propylen glycol, methylparaben, propylparaben, hương dâu, nước tinh khiết.

DẠNG BẢO CHẾ: Dung dịch uống.

Mô tả: Dung dịch không màu đến vàng nhạt, hương thơm, vị ngọt.

CHỈ ĐỊNH

Thuốc tiêu chất nhầy đường hô hấp.

Các bệnh cấp và mạn tính ở đường hô hấp có kèm tăng tiết dịch phế quản không bình thường, đặc biệt trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản dạng hen.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Liều lượng:

Trẻ em

Trẻ từ 1 đến 2 tuổi: 1 ml/lần x 2 lần/ngày (tương đương 15 mg ambroxol hydroclorid/ngày).

Trẻ từ 2 đến 5 tuổi: 1 ml/lần x 3 lần/ngày (tương đương 22,5 mg ambroxol hydroclorid/ngày).

Trẻ từ 6 đến 12 tuổi: 2 ml/lần x 2-3 lần/ngày (tương đương 30 - 45 mg ambroxol hydroclorid/ngày).

Thanh thiếu niên trên 12 tuổi và người lớn

Trong 2-3 ngày đầu tiên, uống 4 ml/lần x 3 lần/ngày (tương đương 90 mg ambroxol hydroclorid). Sau đó, 4 ml/lần x 2 lần/ngày (tương đương 60 mg ambroxol hydroclorid/ngày).

Trẻ em dưới 2 tuổi sử dụng theo chỉ định của bác sĩ.

Đối với thanh thiếu niên trên 12 tuổi và người lớn, có thể tăng hiệu quả bằng cách dùng 60 mg ambroxol hydroclorid 2 lần 1 ngày (tương đương 120 mg ambroxol hydroclorid/ngày).

Không sử dụng lâu hơn 4 – 5 ngày mà không có lời khuyên của bác sĩ hoặc dược sĩ.

Cách dùng:

Thuốc được pha loãng với nước (hoặc trà, hoặc nước trái cây), dùng trong hoặc xa bữa ăn.

CHÔNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với hoạt chất hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Các phản ứng có hại trên da nghiêm trọng như hồng ban đa dạng, hội chứng Stevens-Johnson (SJS), hoại tử thượng bì nhiễm độc (TEN) và hội chứng ngoại ban mụn mủ toàn thân cấp tính (AGEP) đã được ghi nhận liên quan đến việc sử dụng ambroxol hydroclorid. Nếu các dấu hiệu và triệu chứng của phát ban da nặng lên (đôi khi có cả phỏng rộp hoặc tổn thương niêm mạc) nên ngừng điều trị bằng ambroxol hydroclorid ngay lập tức và nên tư vấn bệnh nhân.

Cần đặc biệt thận trọng khi sử dụng ambroxol cho những bệnh nhân có phản xạ ho yếu hoặc rối loạn vận động lông mao ở phế quản.

Thận trọng khi sử dụng cho bệnh nhân suy gan nặng, loét dạ dày-tá tràng, loét ruột.

Bệnh nhân suy thận nặng nên giảm liều dùng cho phù hợp với độ thanh thải creatinin hoặc kéo dài khoảng cách dùng thuốc.

Thuốc có chứa tá dược sorbitol, bệnh nhân bị rối loạn không dung nạp fructose do di truyền không nên được chỉ định thuốc này.

Thuốc có chứa natri metabisulfit, trong trường hợp hiếm, có thể gây các phản ứng quá mẫn nghiêm trọng và co thắt phế quản.

Thuốc có chứa 30 mg propylen glycol trong 1 ml dung dịch thuốc, nếu trẻ dưới 4 tuần tuổi, hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi cho trẻ dùng thuốc, nhất là khi trẻ được cho dùng các thuốc khác có chứa propylen glycol hay alcol.

Thuốc có chứa methylparaben, propylparaben, có thể gây ra các phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Thai kỳ

Ambroxol đi qua nhau thai và vào sữa mẹ.

Chỉ nên sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai và cho con bú khi thật cần thiết.

Phụ nữ cho con bú

Không khuyến khích sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú.

Khả năng sinh sản

Các nghiên cứu tiền lâm sàng không cho thấy bất kỳ tác dụng có hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào đối với khả năng sinh sản.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ CỦA THUỐC

Không nên dùng ambroxol với các thuốc chống ho (ví dụ: codein) những thuốc này ức chế phản xạ ho.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Các tần suất xảy ra: rất thường gặp ($\geq 1/10$), thường gặp ($\geq 1/100$ và $< 1/10$), ít gặp ($\geq 1/1000$ và $< 1/100$), hiếm gặp ($\geq 1/10\ 000$ và $< 1/1\ 000$), rất hiếm gặp ($< 1/10\ 000$) và chưa biết (không thể ước lượng từ dữ liệu sẵn có). Trong mỗi nhóm tần suất, tác dụng không mong muốn được trình bày theo thứ tự mức độ trầm trọng giảm dần.

Hệ thống miễn dịch:

Hiếm gặp: phản ứng quá mẫn.

Chưa biết: phản ứng phản vệ bao gồm sốc phản vệ, phù mạch và ngứa.

Rối loạn da và mô dưới da

Hiếm gặp: phát ban, mề đay.

Chưa biết: tác dụng phụ nghiêm trọng trên da (bao gồm hồng ban đa dạng, hội chứng Stevens-Johnson, hoại tử thượng bì nhiễm độc và hội chứng ngoại ban mụn mủ toàn thân cấp tính).

Rối loạn đường tiêu hoá

Thường gặp: buồn nôn, tê trong miệng.

Ít gặp: nôn, tiêu chảy, khó tiêu, đau bụng, khô miệng.

Hiếm gặp: khô họng.

Rất hiếm: bệnh trĩ.

Rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất

Thường gặp: tê ở cổ họng.

Chưa biết: khó thở (như một triệu chứng của phản ứng quá mẫn).

Các rối loạn chung và tình trạng tại chỗ dùng thuốc

Ít gặp: sốt, phản ứng niêm mạc.

Rối loạn hệ thần kinh

Thường gặp: rối loạn vị giác.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Các triệu chứng cụ thể của quá liều chưa được báo cáo cho đến nay. Các triệu chứng quan sát được trong trường hợp vô tình dùng quá liều hoặc trộn lẫn thuốc phù hợp với các tác dụng phụ có thể xảy ra ở liều khuyến cáo và có thể cần phải điều trị triệu chứng.

NHÓM DƯỢC LÝ: Thuốc làm tiêu chất nhầy.

MÃ ATC: R05CB06

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 chai 30 ml

Hộp 1 chai 60 ml

Hộp 1 chai 90 ml

59836
IG TY
HH
PHAI
LINH
NAM
T. H

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Sử dụng thuốc trong vòng 30 ngày sau khi mở nắp lần đầu.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM

Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, Hà Nam

